UBND TỈNH SÓC TRĂNG **VĂN PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2063 /VP-VX V/v góp ý dự thảo Kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030	*Sóc Trăng, ngày 06 tháng 05 năm 2021*

Kính gửi:
- Các đồng chí thành viên UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế;

tỉnh Sóc Trăng.

Sở Y tế trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030,

Thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh xin gửi dự thảo nêu trên để lấy ý kiến đóng góp của các đồng chí thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Y tế.

Đề nghị các đồng chí nghiên cứu, đóng góp ý kiến đối với dự thảo Kế hoạch và gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản (kể cả trường hợp thống nhất với dự thảo) trước ngày **14/5/2021** để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Trường hợp các đồng chí cần có thêm thời gian để nghiên cứu, đề nghị phản hồi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh được biết.

(Dự thảo Kế hoạch được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh tại địa chỉ: vpub.soctrang.gov.vn, Mục "Góp ý dự thảo văn bản của UBND tỉnh Sóc Trăng")./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VX, VT.

CHÁNH VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG

Tôn Quang Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /KH-UBND	*Sóc Trăng, ngày tháng năm 2021*

Dự thảo

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
Triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

Thực hiện Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Thực hiện Chương trình hành động số 27-CTr/TU ngày 12/3/2018 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch hành động triển khai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về Quy mô dân số và mức sinh

- Quy mô dân số năm 2016 là: 1.227.576 người và năm 2020 là: 1.195.741 người.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 2016 là: 0,93% và năm 2020 là: 0,83%.

- Trong giai đoạn 2016-2020 mức sinh trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đã giảm mạnh, từ 13,09 ‰ năm 2016 xuống còn 11,63 ‰ năm 2020; mức giảm sinh bình quân năm 2016 là 0,2 ‰ và năm 2020 là 0,1 ‰.

2. Về Cơ cấu dân số

- Nằm trong xu thế chung của cả nước dân số tỉnh Sóc Trăng đang trong giai đoạn cơ cấu dân số vàng, tỷ trọng dân số dưới 24 tuổi chiếm 11,74%, tỉ trọng người 25-49 tuổi chiếm 60,31% tổng dân số, dân số từ 50 tuổi trở lên chiếm 27,43%.

- Tỷ số giới tính khi sinh của tỉnh năm 2016 là 113 bé trai/100 bé gái, năm 2020 là 111,5 bé trai/100 bé gái, tỷ số này tương đương với số cả nước

(111,5 bé trai/100 bé gái). Như vậy, đối với tỉnh Sóc Trăng, tỷ số giới tính khi sinh vẫn đang ở mức cao (111 - 113 bé trai/100 bé gái sinh sống).

3. Về Nâng cao chất lượng dân số

Trong thời gian qua, để thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số, tỉnh đã và đang triển khai mô hình: Tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân; sàng lọc trước sinh và sơ sinh để phát hiện sớm các dị tật ở trẻ, từ đó can thiệp và điều trị sớm. Qua triển khai thực hiện mô hình tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân trên địa bàn tỉnh đã góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng thực hành CSSKSS/KHHGĐ cho vị thành niên, thanh niên (VTN/TN).

Từ năm 2016, tỉnh tiếp tục triển khai Dự án "Tầm soát các dị dạng, bệnh, tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh" gồm các hoạt động của mô hình, đề án về nâng cao chất lượng dân số, tỉnh đã có xây dựng kế hoạch giai đoạn 5 năm (2017-2020) được UBND tỉnh phê duyệt và kế hoạch chi tiết hàng năm với kết quả như sau:

- Nhằm nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo nguồn nhân lực cho phát triển xã hội, những năm qua tỉnh Sóc Trăng đã tiếp tục duy trì hoạt động các đề án. Đề án "Sàng lọc trước sinh và sơ sinh" đã góp phần phát hiện nhiều trường hợp trẻ bị dị tật và kịp thời tư vấn, can thiệp chuyên môn để giúp trẻ sinh ra phát triển bình thường, tránh những hậu quả nặng nề về thể chất và trí tuệ.

- Chi cục DS-KHHGĐ đã tổ chức lồng ghép tuyên truyền, nói chuyện chuyên đề cho phụ nữ đang mang thai và trong độ tuổi sinh đẻ về mục đích, ý nghĩa của việc lấy máu gót chân trong chẩn đoán bệnh sớm cho trẻ sơ sinh... Qua SLTS&SS, giúp trẻ tránh được những hậu quả nặng nề do dị tật bẩm sinh như: Hội chứng Down; rối loạn di truyền; dị tật ống thần kinh; thiếu men G6PD gây biến chứng vàng da, thần kinh; suy tuyến giáp bẩm sinh và tăng sản tuyến thượng thận bẩm sinh... Kết quả từ năm 2016 đến nay, có hơn 15.372 bà mẹ mang thai được SLTS và 20.416 trẻ sơ sinh được lấy máu gót chân SLSS (Trong đó: có 214 trường hợp bất thường, phần lớn là thiếu men G6PD). Những trường hợp được phát hiện nghi ngờ bệnh đều được tư vấn, giới thiệu, chuyển đến các cơ sở y tế tuyến trên để kiểm tra, hướng dẫn xử lý, điều trị kịp thời.

4. Phân bố dân số (nguồn Thống kê tỉnh)

- Quy mô dân số tỉnh Sóc Trăng năm 2019 (theo nguồn Thống kê báo cáo) là 1.199.528 người, giảm 0,77% so với năm trước; trong đó, dân số khu vực thành thị 388.527 người, chiếm 32,39%; phân theo giới tính, dân số nam 597.901 người, chiếm 49,84%, dân số nữ 601.627 người, chiếm 50,16%. Dân số trong độ tuổi lao động 657.854 người, chiếm 54,84% trên tổng số dân; trong đó, lao động nữ có 272.970 người, chiếm 41,49% dân số trong độ tuổi lao động. Số lao động trong độ tuổi tham gia hoạt động kinh tế là 639.878 người, chiếm 97,27% trong độ tuổi lao động.

- Theo kết quả điều tra dân số 01/4 hằng năm, từ năm 2016 đến năm 2019 dân số thành thị tăng 9.255 người (tăng bình quân 2.313 người/năm, nông

thôn giảm 37.383 người (giảm dân số bình quân 9.325 người/năm, tương đương 85 người/xã/năm); Tỷ suất nhập cư của tỉnh Sóc Trăng năm 2019 là 0,58 ‰, giảm 0,62‰ so với năm 2016 (1,0‰). Tỷ suất xuất cư của tỉnh Sóc Trăng năm 2019 là 8,07 ‰, tăng 1,479 ‰ so với năm 2016 (6,60‰). Như vậy cho thấy tỷ lệ người xuất cư đi lao động ngoài tỉnh tăng cao.

- Mật độ dân số của Sóc Trăng là 362 người/km^2. Thành phố Sóc Trăng có mật độ dân số cao nhất tỉnh 1.806 người.

5. Công tác truyền thông, giáo dục về Dân số

- Trong thời gian qua, công tác truyền thông - giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình (DS, SKSS/KHHGĐ) đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức, thái độ và hành vi của người dân trong việc thực hiện KHHGĐ và chăm sóc SKSS. Công tác truyền thông đã từng bước chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGĐ sang Dân số và Phát triển, chú trọng toàn diện các mặt quy mô, cơ cấu, phân bố, đặc biệt là chất lượng dân số theo Nghị quyết 21/NQ/TW; Các hoạt động truyền thông, giáo dục chuyển đổi hành vi về DS, SKSS/KHHGĐ được đẩy mạnh tập trung vào các đợt như: Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ SKSS/KHHGĐ đến các vùng khó khăn, vùng có mức sinh không ổn định, truyền thông kỷ niệm các ngày lễ lớn như ngày Dân số thế giới 11/7, Tháng hành động quốc gia về Dân số (Tháng 12), ngày Dân số Việt Nam 26/12, bên cạnh đó hình thức truyền thông tư vấn và thăm hộ gia đình, truyền thông trong chức sắc, tôn giáo, sinh hoạt nhóm, sinh hoạt câu lạc bộ được chú trọng thường xuyên.

- Các sản phẩm truyền thông, các buổi mít tinh, nói chuyện chuyên đề, truyền thông lưu động, tổ chức sự kiện, chiến dịch lồng ghép truyền thông với cung cấp dịch vụ và đặc biệt là hoạt động tư vấn, vận động trực tiếp tại nhà của cộng tác viên (CTV) dân số đã được tổ chức rộng khắp trên toàn tỉnh, đặc biệt là tại vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có mức sinh không ổn định ...

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể, những người có uy tín trong cộng đồng đã tích cực lãnh đạo, chỉ đạo, cam kết, ủng hộ và tham gia truyền thông vận động về công tác dân số, đặc biệt là sự đồng tình, hưởng ứng của người dân, của mỗi gia đình và cộng đồng xã hội, nhờ vậy kiến thức, sự hiểu biết, kỹ năng lựa chọn và thực hiện hành vi của các đối tượng tham gia chương trình được nâng lên. Đây là một trong những yếu tố quyết định sự ổn định và bền vững của Chương trình DS-KHHGĐ.

6. Dịch vụ DS-KHHGĐ

- Đảm bảo thực hiện việc phân phối, cung cấp đầy đủ, kịp thời các phương tiện tránh thai (PTTT) lâm sàng và phi lâm sàng theo đúng hướng dẫn và phân phối của Tổng cục DS-KHHGĐ phân bổ đến các đơn vị các cấp. Công tác hậu cần PTTT phi lâm sàng được cung ứng đầy đủ, kịp thời, đáp ứng cho cơ sở cấp phát đến tay người sử dụng. Bên cạnh việc cấp phát PTTT miễn phí còn thực hiện công tác tiếp thị xã hội bao cao su và viên uống tránh thai tạo

thành một hệ thống cung cấp dịch vụ KHHGĐ thuận tiện, dễ tiếp cận cho các đối tượng.

- Mạng lưới cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ được mở rộng từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn. Bệnh viện Chuyên khoa Sản - Nhi tỉnh, huyện có khoa sản thực hiện công tác chăm sóc SKSS/KHHGĐ, tỉnh có Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản; trạm y tế xã có Y sĩ sản nhi và Nữ hộ sinh trung học; tại ấp, cụm dân cư có nhân viên y tế, CTV dân số. Trang thiết bị, dụng cụ chuyên môn ở các tuyến cơ bản đảm bảo thực hiện dịch vụ chăm sóc SKSS/KHHGĐ thường xuyên.

- Xác định việc bảo đảm hậu cần cung cấp các PTTT giữ vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng công tác dân số, Chi cục DS-KHHGĐ tỉnh đã chỉ đạo ngành dân số các huyện, thị xã, thành phố chú trọng truyền thông và cung cấp các PTTT cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ trên địa bàn. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân, các hoạt động TTXH và XHH các PTTT được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức. Việc tăng cường bảo đảm hậu cần cung cấp các phương tiện KHHGĐ cho các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ không chỉ góp phần làm thay đổi nếp nghĩ, thói quen từ thụ động sang chủ động của người dân trong sử dụng các PTTT mà còn góp phần nâng cao chất lượng công tác DS-KHHGĐ trên địa bàn tỉnh.

- Công tác quản lý hậu cần và tổ chức cung cấp PTTT được thực hiện với 03 kênh bao gồm: Kênh cung cấp dịch vụ KHHGĐ lâm sàng của ngành y tế (Dụng cụ tử cung, thuốc tiêm tránh thai, thuốc cấy tránh thai); kênh cung cấp dịch vụ KHHGĐ phi lâm sàng do hệ thống chuyên trách và CTV dân số đảm nhận (Bao cao su, thuốc uống tránh thai); kênh tiếp thị xã hội (TTXH), xã hội hóa và thị trường PTTT. Hoạt động của hệ thống dịch vụ đã đưa PTTT đến gần dân, thuận tiện và đa dạng nên tỷ lệ sử dụng, chất lượng PTTT luôn được kiểm tra, kiểm soát; kho hậu cần từng bước được cũng cố; cơ sở vật chất, cung cấp trang thiết bị được tăng cường; cán bộ thực hiện quản lý tiếp nhận, phân phối và bảo quản PTTT được đào tạo và quản lý báo cáo PTTT theo quy định của Tổng cục DS-KHHGĐ. Việc cung cấp PTTT ngày càng khoa học nên đã đáp ứng các dịch vụ kịp thời và an toàn cho người sử dụng. Kết quả số người hiện đang sử dụng các BPTT còn tác dụng, cụ thể như sau:

+ Vòng tránh thai: 129.331 người;

+ Thuốc cấy tránh thai: 383 người;

+ Thuốc tiêm tránh thai: 5.277 người;

+ Thuốc viên tránh thai: 29.936 người;

+ Bao cao su: 23.799 người.

- Từ năm 2016 đến nay được sự hỗ trợ của Tổ chức Maire Stopes và Tổng cục DS-KHHGĐ, Chương trình "Tăng cường năng lực y tế công trong lĩnh vực DS-KHHGĐ" năm 2018 đã triển khai mở 03 lớp tập huấn đào tạo cập nhật kỹ thuật đặt vòng và phòng chống nhiễm khuẩn đạt cấp độ 1 cho 171 học viên; Đào tạo giảng viên, giám sát viên tuyến tỉnh là 07; giám sát tuyến huyện là 12; 01 lớp cấy tránh thai Implant NXT cho 30 học viên là đội ngũ cán bộ kỹ

thuật tuyến tỉnh, huyện. Chương trình đã hỗ trợ đặt trên 26.945 ca dụng cụ tử cung; thực hiện giám sát, đánh giá chất lượng tại 106 điểm cung cấp dịch vụ và 271 cán bộ cung cấp dịch vụ của chương trình đạt 100% kế hoạch… từng bước chuyển giao công nghệ để địa phương đảm bảo thực hiện tốt hoạt động cung cấp dịch vụ KHHGĐ có chất lượng và đạt hiệu quả cho người dân.

7. Công tác tổ chức, quản lý, điều hành

Công tác DS-KHHGĐ luôn được Đảng và chính quyền các cấp trên địa bàn tỉnh quan tâm, chỉ đạo bằng các chương trình, quyết định, kế hoạch với những mục tiêu cụ thể, phù hợp điều kiện của địa phương. Công tác phối hợp tuyên truyền, giáo dục, nhận thức về DS-KHHGĐ của các cấp, các ngành và toàn dân đã có bước chuyển biến tích cực, các mô hình truyền thông, tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi được duy trì và ngày càng đi vào chiều sâu, dịch vụ DS-KHHGĐ được mở rộng, 100% Trạm Y tế xã đã cung cấp dịch vụ KHHGĐ cơ bản.

II. HẠN CHẾ, BẤT CẬP VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, bất cập

- Tỷ số mất cân bằng giới tính khi sinh vẫn đang ở mức khá cao (111,5 trẻ trai/100 trẻ gái/năm 2020) và không ổn định.

- Chất lượng dân số được cải thiện nhưng chưa nhiều. Chăm sóc SKSS ở vùng sâu, vùng xa chưa được tốt. Tỷ lệ sàng lọc trước sinh và sơ sinh chưa cao; tình trạng quan hệ tình dục sớm, có thai tuổi vị thành niên, phá thai không an toàn, ly hôn, ly thân sớm trong giới trẻ có chiều hướng gia tăng, cũng để lại những hậu quả, làm giảm chất lượng dân số của các thế hệ tương lai.

- Chưa nắm bắt được nhu cầu sử dụng dịch vụ KHHGĐ của VTN/TN, người chưa kết hôn; chưa quản lý được tình trạng mang thai ngoài ý muốn, nhất là ở VTN/TN. Việc quản lý chẩn đoán, lựa chọn giới tính thai nhi rất khó khăn. Mạng lưới chăm sóc người cao tuổi (NCT) tại cộng đồng chưa có cơ sở chăm sóc tập trung, vấn đề chăm sóc sức khỏe sinh sản nam giới, phụ nữ mãn kinh và tiền mãn kinh chưa được chú trọng.

2. Nguyên nhân của hạn chế, bất cập

- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền, hội, đoàn thể chính trị - xã hội chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của công tác DS-KHHGĐ. Một số cấp ủy và chính quyền địa phương ít quan tâm đến công tác dân số, có nơi gần như "khoán trắng" cho cơ quan chuyên trách làm công tác DS-KHHGĐ mà không coi đó là nhiệm vụ của địa phương mình.

- Công tác tham mưu, phối hợp hoạt động có lúc chưa kịp thời. Trình độ năng lực của một số cán bộ làm công tác dân số và nhân viên y tế thôn bản (kiêm công tác dân số) ấp, khóm còn nhiều hạn chế.

- Công tác tổ chức bộ máy làm công tác DS-KHHGĐ thường xuyên thay đổi, do đó ảnh hưởng không nhỏ đến triển khai tổ chức thực hiện chương

trình DS-KHHGĐ.

- Do điều kiện sản xuất, sinh hoạt đặc thù của bà con vùng đồng bào dân tộc Khmer nên việc tập trung đông đủ để tổ chức tuyên truyền rất khó khăn. Một bộ phận người dân, đặc biệt là các em tuổi VTN/TN còn chưa chú trọng, chưa quan tâm, chưa hiểu sâu sắc về tác hại của tảo hôn nên vẫn còn trường hợp tảo hôn xảy ra.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DÂN SỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025, TẦM NHÌN ĐẾN 2030

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nỗ lực đưa mức sinh đạt mức sinh thay thế; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, đáp ứng nguồn nhân lực, góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước.

2. Mục tiêu cụ thể cần đạt được

a) Đến năm 2025:

- Mục tiêu 1: *Đạt và giữ vững mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.*

+ Phấn đấu đạt mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con); quy mô dân số của tỉnh khoảng 1,5 triệu người.

+ Tất cả phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

+ Giảm 50% số vị thành niên và thanh niên có thai ngoài ý muốn.

- Mục tiêu 2: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.

+ Tỷ số giới tính khi sinh khống chế dưới mức 109 bé trai/100 bé gái sinh sống.

- **Mục tiêu 3**: Nâng cao chất lượng dân số.

+ Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 50%.

+ 60% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

+ 60% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

+ Trên 80% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

+ Chiều cao người 18 tuổi đối với nam, nữ đạt ngang bằng với những tỉnh trung bình của cả nước. Đưa chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh Sóc Trăng nằm trong nhóm trung bình của cả nước.

- **Mục tiêu 4**: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

+ Thúc đẩy đô thị hóa, đưa tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 25%.

+ Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biển, vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh.

+ Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- **Mục tiêu 5:** Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

+ 90% dân số của tỉnh được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc.

+ 100% ngành, lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- **Mục tiêu 6:** Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển đất nước nhanh, bền vững.

+ Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài... hiện có; tăng tối đa số lượng việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

+ Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

- Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

+ Đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, thực hiện thành công chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi.

+ Đáp ứng đầy đủ nhu cầu khám, chữa bệnh của người cao tuổi với chất lượng ngày càng cao, chi phí và hình thức phù hợp (tại các cơ sở y tế, tại nhà,...)

+ Xây dựng môi trường xã hội thân thiện với người cao tuổi, có 50% số xã, phường đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi.

+ 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

+ Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện Y dược Cổ truyền và Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã, thành phố tổ chức buồng khám bệnh riêng cho người cao tuổi tại khoa khám bệnh, bố trí giường nội trú cho người cao tuổi.

***b) Đến năm 2030*:**

- Duy trì vững chắc mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con).

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới mức 107 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%; tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị; 50% số huyện đạt mức sinh thay thế; mọi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại; giảm 2/3 số VTN/TN có thai ngoài ý muốn.

- Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%; 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi; trong đó, thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; 100% người cao tuổi có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao người 18 tuổi đối với nam đạt 168,5 cm, nữ đạt 157,5 cm. Chỉ số phát triển con người (HDI) của tỉnh Sóc Trăng nằm trong nhóm bình quân chung của cả nước.

- Tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 45%. Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý ở vùng biển và vùng đặc biệt khó khăn. Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% dân số của tỉnh được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn quốc; 100% ngành, lĩnh vực sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

- Tiếp tục quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; thực hiện quyết liệt các nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình số 27-Ctr/TU ngày 12/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá

XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 75/KH-UBND ngày 09/7/2018, của UBND tỉnh Sóc Trăng về "Thực hiện Nghị quyết số 139/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ và Chương trình số 27-Ctr/TU ngày 12/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới"; bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội về tiếp tục thực hiện quyết liệt, có hiệu quả các biện pháp KHHGĐ, ổn định quy mô dân số, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hoá dân số; nâng cao chất lượng dân số. Đưa công tác dân số là một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền.

- Ban hành các nghị quyết; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm để cụ thể hoá các mục tiêu đã đề ra nhằm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 phù hợp từng giai đoạn và thực tiễn của địa phương. Thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do sở, ngành, địa phương chủ trì xây dựng và thực hiện.

- Quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; đầu tư kinh phí, bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số các cấp.

- Trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ, thực hiện chế độ phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo dân số, phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo dân số các cấp.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số và phát triển, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

- Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sự lan toả rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới tạo sự chuyển biến căn bản về

nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

- Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung: Ổn định quy mô dân số, mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con; đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên; tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng; thích ứng với già hoá dân số; nâng cao chất lượng dân số.

- Tập trung đẩy mạnh, tăng cường độ và nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dân số và phát triển. Nội dung, phương thức truyền thông, vận động phải được xây dựng phù hợp với tình hình dân số, điều kiện kinh tế, xã hội, đặc trưng văn hoá từng vùng, từng đối tượng.

- Tiếp tục huy động toàn bộ hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở vào cuộc tuyên truyền vận động thực hiện mục tiêu đạt mức sinh thay thế, không sinh con thứ ba trở lên ở nơi có mức sinh cao; vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, giảm nhanh sự chênh lệch về mức sinh giữa các vùng và giữa khu vực thành thị, nông thôn và các đối tượng.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Xây dựng các chuẩn mực, giá trị xã hội phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả bình đẳng giới, loại trừ dần nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh.

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dự luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Giáo dục nâng cao y đức, nghiêm cấm lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi. Tập trung nỗ lực, tạo chuyển biến rõ nét để đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý góp phần nâng cao sức khoẻ, tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khoẻ trước khi kết hôn; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị 4 bệnh, tật thường gặp trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị 5 bệnh thường gặp bẩm sinh.

- Đẩy mạnh truyền thông về cơ hội, thách thức và giải pháp phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng, thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng với già hoá dân số.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo,

người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, nhất là đội ngũ nhân viên y tế thôn bản kiêm CTV dân số. Đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho đội ngũ hoạt động không chuyên trách tại khóm, ấp, tổ dân phố tham gia tuyên truyền về công tác dân số. Lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hoá và thiết chế văn hoá của cộng đồng; tiêu chuẩn khóm, ấp, tổ dân phố văn hoá, gia đình văn hoá.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tăng số tin, bài, thời lượng; đa dạng hoá các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Lồng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản trong và ngoài nhà trường. Giáo dục dân số, sức khoẻ sinh sản phải phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi, bảo đảm yêu cầu hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khoẻ sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

- Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số; thực hiện rà soát điều chỉnh, bổ sung các chính sách theo quy định của Trung ương và phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Tiếp tục hoàn thiện và thực hiện các đề án, kế hoạch theo hướng dẫn của Trung ương thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới.

- Nghiên cứu, xây dựng trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành nghị quyết về công tác dân số giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình của địa phương. Rà soát, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ CTV dân số ở khóm, ấp.

- Tích cực rà soát, nghiên cứu để bổ sung, hoàn thiện hệ thống chính sách về DS-KHHGĐ, đặc biệt là các chính sách tác động nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, nâng cao chất lượng dân số, duy trì mức sinh hợp lý, chăm sóc SKSS đối với người chưa thành niên và thanh niên, NCT.

- Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức triển khai toàn diện các nội dung của công tác dân số. Kiện toàn hệ thống thanh tra chuyên ngành dân số, tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền phê duyệt.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ KHHGĐ theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyên huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGĐ, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGĐ cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ phi lâm sàng qua Trạm Y tế, mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, CTV dân số và người hoạt động không chuyên trách ở tổ dân phố.

- Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ KHHGĐ theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Tiếp tục huy động các thành phần kinh tế tham gia XHH, TTXH, cung cấp phương tiện hàng hóa sức khỏe sinh sản và dịch vụ tránh thai.

- Tăng cường xã hội hóa về dân số và phát triển: Khám sức khỏe tiền hôn nhân; khám sức khỏe trước khi quyết định có thai; thực hiện tầm soát, sàng lọc chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; chấp nhận phương tiện tránh thai và dịch vụ hàng hóa sức khỏe sinh sản theo hình thức xã hội hóa.

- Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc SKSS, sức khoẻ tình dục thân thiện với thanh niên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

- Tiếp cận chương trình ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ, chú trọng việc chăm sóc SKSS nam giới và phụ nữ tiền mãn kinh và mãn kinh.

- Nâng cao hiệu quả việc cung cấp dịch vụ tư vấn khám sức khoẻ trước khi kết hôn. Mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ sơ sinh.

- Mở rộng mạng lưới, phổ cập chương trình cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh.

- Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục thể thao, rèn luyện, nâng cao sức khoẻ, các chương trình dinh dưỡng, sữa học đường nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

- Phát triển mạng lưới chăm sóc NCT đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng theo các cấp độ khác nhau. Phát triển rộng khắp các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khoẻ, văn hoá, giải trí của NCT ở cộng đồng theo hướng XHH, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà nước. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc NCT tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, CTV và nhân viên chăm sóc được đào tạo.

- Khuyến khích thành lập đơn nguyên Lão khoa tại các Bệnh viện tuyến tỉnh và Trung tâm Y tế tuyến huyện, thị xã; nâng cao năng lực cho các nhân viên y tế khoa lão tại các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho NCT.

- Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí xã, phường thân thiện với NCT làm cơ sở cho việc định hướng, giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc NCT ở cấp cơ sở.

- Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập; đổi mới phương thức cung cấp, đưa dịch vụ tới tận người sử dụng; thúc đẩy cung cấp dịch vụ qua mạng.

5. Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

- Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội và quản lý xã hội.

- Tổ chức mạng lưới thu thập thông tin, số liệu dân số theo hướng hiện đại, có sự phân công cụ thể và phối hợp giữa các ngành, các cấp trong lĩnh vực này. Nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội.

- Kiện toàn mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành DS-KHHGĐ. Tăng cường năng lực giám sát, đánh giá, phân tích và dự báo.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

- Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số, tập trung vào thực hiện các mục tiêu: Ổn định quy mô dân số, đưa tỷ số giới tính về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hoá dân số và nâng cao chất lượng dân số.

- Tiếp tục tăng cường đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác dân số, đáp ứng được nhiệm vụ đề ra. Lồng ghép các hoạt động dân số vào chương trình hoạt động thường xuyên của các ngành đoàn thể, các chương trình, dự án. Huy động nguồn lực từ cộng đồng, các dự án, tổ chức để tăng nguồn lực và hiệu quả của chương trình nhằm thực hiện các nhiệm vụ đạt kết quả cao hơn.

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số. Có chính sách khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, các cơ sở sản xuất, phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

- Xây dựng các chương trình, dự án về dân số vào kế hoạch, chương trình đầu tư công phù hợp với từng địa phương. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác dân số.

7. Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy và đào tạo

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

- Rà soát, hoàn thiện, củng cố hệ thống tổ chức bộ máy làm công tác chuyên trách làm công tác dân số từ tỉnh đến xã; thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo công tác dân số các cấp đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

- Tiếp tục duy trì đội ngũ nhân viên y tế thôn bản kiêm CTV dân số là những người được nhân dân tín nhiệm, làm việc trên tinh thần tình nguyện vì cộng đồng ở khóm, ấp, tổ dân phố. Xây dựng, ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp về vật chất, tinh thần cho đội ngũ này.

- Củng cố, kiện toàn tổ chức phối hợp liên ngành về dân số và phát triển tại các cấp nhằm chỉ đạo, điều phối các hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển, bảo đảm không tăng biên chế và hình thành tổ chức mới. Xây dựng quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm bảo đảm tăng cường vai trò, trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành các cấp.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số. Chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ làm công tác dân số cấp xã, phường, thị trấn và CTV dân số ở khóm, ấp, đảm bảo 100% khóm, ấp có CTV dân số được đào tạo và cặp nhật kiến thức thường xuyên về công tác Dân số và phát triển.

- Thực hiện chuẩn hoá cán bộ làm công tác dân số các cấp theo nguyên tắc vị trí việc làm và định hướng triển khai toàn diện công tác dân số.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức mới, tổ chức tập huấn lại, bảo đảm đội ngũ nhân viên y tế thôn bản, CTV dân số và đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại tổ dân phố thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con, không lựa chọn giới tính thai nhi, không tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, phát huy vai trò và chăm sóc NCT, nâng cao chất lượng dân số, thu thập thông tin và tham gia cung cấp một số dịch vụ dân số tới tận hộ gia đình.

- Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp có liên quan.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng hiện đại, đơn giản hóa và hiệu quả. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực dân số, tạo thuận lợi cho người dân.

8. Xã hội hóa, phối hợp liên ngành

- Khuyến khích các cơ sở ngoài công lập tham gia cung cấp dịch vụ DS-SKSS/KHHGĐ.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng dân cư, cá nhân và các tổ chức phi chính phủ, tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp vào công tác dân số và sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình. Quy định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các cơ sở cung cấp dịch vụ.

- Tăng cường phối hợp các ngành, đoàn thể trên cơ sở quy chế phối hợp liên ngành về công tác dân số.

III. KINH PHÍ

Bố trí kinh phí từ dự toán chi thường xuyên của các ngành, địa phương; kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh; ngân sách từ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; các chương trình, đề án liên quan khác theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước; Quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị; nguồn xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên phạm vi toàn tỉnh; điều phối các hoạt động của công tác Dân số và phát triển, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan do các sở, ngành, đơn vị; hướng dẫn thanh tra, kiểm tra, giám sát và tổng hợp tình hình thực hiện. Định kỳ báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện các kế hoạch, mô hình, đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt. Đồng thời, tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai các chương trình, đề án về dân số và phát triển đáp ứng với tình hình mới trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Trên cơ sở các văn bản Nhà nước quy định, phối hợp các cơ quan liên quan xây dựng dự toán kinh phí thực hiện Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng gửi cơ quan tài chính thẩm định. Hằng năm, ký kết hợp đồng trách nhiệm với các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp triển khai thực hiện từng nội dung hoạt động cụ thể của Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược dân số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Kiện toàn tổ chức, bộ máy làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, quản lý cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp và những người cung cấp dịch vụ; lồng ghép công tác dân số vào các chương trình, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực.

- Củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ DS-KHHGĐ theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ KHHGĐ, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ KHHGĐ cơ bản. Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên; cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh, các mô hình chăm sóc sức khỏe NCT.

Củng cố, nâng cấp các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc hiện có, phát triển thêm các cơ sở cung cấp dịch vụ theo phân cấp kỹ thuật.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học, từng bước tiếp cận và ứng dụng chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khoẻ NCT.

2. Sở Tư pháp

- Phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan tham mưu UBND tỉnh xây dựng các chính sách về dân số và phát triển để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh đáp ứng với công tác dân số trong tình hình mới.

- Tổ chức triển khai thực hiện, tuyên truyền các chính sách, pháp luật về dân số và phát triển.

3. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các Sở ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện đào tạo nghề và tạo việc làm nhằm sử dụng tối đa lực lượng lao động, phát huy lợi thế của giai đoạn "cơ cấu dân số vàng"; triển khai thực hiện các nội dung giáo dục về Dân số và phát triển trong các cơ sở dạy nghề; lồng ghép nội dung Dân số vào các chương trình có liên quan do ngành chủ trì.

- Phối hợp với các Sở, ngành thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đảm bảo phúc lợi và thực hiện tốt các chính sách cho NCT, nâng cao vị thế của phụ nữ và trẻ em gái, bình đẳng giới, bảo trợ xã hội, xóa đói giảm nghèo.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, truyền thông của tỉnh đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội ... trong truyền thông giáo dục về dân số.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra hoạt động xuất bản; kiểm soát chặt chẽ nội dung bản tin và tài liệu có liên quan về dân số.

5. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo và các Sở, ngành liên quan chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chương trình, đề án nâng cao tầm vóc và thể lực của người dân; triển khai các hoạt động phát triển gia đình bền vững, phòng chống bạo lực gia đình; lồng ghép các nội dung Dân số vào sinh hoạt tại nhà văn hóa, tổ dân phố và nơi sinh hoạt cộng đồng hướng tới mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan chủ động đưa nội dung giáo dục dân số, sức khoẻ tình dục, sức khoẻ VTN/TN và bình đẳng giới vào chương trình giảng dạy chính khóa, ngoại khóa phù hợp với các cấp học.

- Phối hợp với Sở Y tế và các sở ngành liên quan thực hiện có hiệu quả Chương trình sữa học đường, các chương trình thể dục thể thao, rèn luyện, nâng cao sức khoẻ, chương trình dinh dưỡng, đảm bảo an toàn thực phẩm trong các cơ sở giáo dục, nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Triển khai các chương trình, đề án, dự án về xây dựng nông thôn mới, di dân tái định cư trên địa bàn tỉnh.

8. Sở Nội vụ

Phối hợp với Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh kiện toàn tổ chức bộ máy và nhân lực làm công tác dân số từ tỉnh đến cơ sở theo hướng dẫn, quy định của Trung ương; vận động các chức sắc, người có uy tín trong các tôn giáo tham gia tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng và Nhà nước về chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình; hướng dẫn khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân, cộng đồng dân cư thực hiện tốt chính sách dân số trên địa bàn tỉnh nhân dịp tổ chức sơ kết, tổng kết.

9. Cục Thống kê tỉnh

Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan thu thập, chia sẻ đầy đủ, chính xác, kịp thời các số liệu về dân số cho các cơ quan có liên quan phục vụ cho việc quản lý chương trình dân số và xây dựng các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

10. Ban Dân tộc tỉnh

Chủ trì phối hợp với Sở Y tế, các ban, sở, ngành có liên quan triển khai các chương trình, đề án về dân tộc thiểu số; hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội dân tộc theo Đề án được duyệt.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp kế hoạch đầu tư phát triển; Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan vận động vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho chương trình, đề án, dự án liên quan đến lĩnh vực dân số. Chủ trì thực hiện mục tiêu thúc đẩy phân bố dân số hợp lý.

12. Sở Tài chính

Trên cơ sở dự toán do các đơn vị chủ trì xây dựng, Sở Tài chính thẩm định, căn cứ khả năng ngân sách nhà nước hàng năm, trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện các chính sách, chương trình, đề án về lĩnh vực dân số.

13. Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh

Tăng cường thời lượng phát sóng, nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển trong các chương trình, chuyên mục.

14. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Triển khai các chương trình, đề án, dự án về xây dựng nông thôn mới, di dân tái định cư trên địa bàn tỉnh.

15. Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Hướng dẫn, chỉ đạo, triển khai thực hiện chính sách về dân số đối với sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng; tham gia các hoạt động dân số gắn với công tác bảo vệ an ninh biển đảo ở các xã biển và ven biển trên địa bàn tỉnh.

16. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và nội dung tại Kế hoạch này xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện Chiến lược dân số phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án về dân số và phát triển phù hợp với tình hình thực tế của địa phương trên cơ sở hướng dẫn của Sở Y tế và các Sở, ngành liên quan. Chủ động, tích cực huy động nguồn lực để thực hiện các Kế hoạch, chương trình, đề án tại địa phương.

- Đưa dân số thành một chỉ tiêu trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội do địa phương quản lý.

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo dân số, phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo dân số các cấp trong việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số tại địa phương.

- Đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dân số và phát triển, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới. Phát động các phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số và phát triển, đặc biệt là cuộc vận động sinh ít con tại địa bàn có tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên cao.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số trên địa bàn quản lý. Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về kết quả thực hiện công tác Dân số của địa phương.

17. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Người cao tuổi tỉnh và các tổ chức thành viên khác của

Mặt trận, tổ chức xã hội, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, tham gia tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục trong tổ chức mình; phát động các phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số và phát triển tạo sự lan tỏa rộng trong toàn xã hội; tham gia xây dựng các chính sách, chương trình, đề án và giám sát việc thực hiện các hoạt động dân số.

Trên đây là Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 của tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 và tầm nhìn đến năm 2030

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Công an, Bộ chỉ huy QS, BĐBP tỉnh;
- Các Sở ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, tx, tp;
- Thành viên BCĐ DS-KHHGĐ tỉnh;
- Lưu VT.